TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-6-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

2. Ông Nguyễn Văn Hết.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Khu phố 7, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Quang K, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh Phạm Quang K tự quen biết, qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2014. Sau khi thành hôn, anh K về sống cùng với gia đình chị tại khu phố 7, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị và anh K chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cuộc sống, anh K không làm việc để chăm lo cho gia đình mà thường xuyên tham gia cờ bạc dẫn đến thiếu nợ người khác và sử dụng ma túy, chị nhiều lần khuyên ngăn

nhưng anh K vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài làm cho cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống nên chị và anh K sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có hai con chung tên Phạm K D, sinh ngày: 23/10/2017 và Phạm Nguyên K, sinh ngày: 13/6/2019, hiện tại con chung đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Quang K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh K cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh K.

+ Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là Phạm K D, sinh ngày: 23/10/2017 và Phạm Nguyên K, sinh ngày: 13/6/2019. Chị T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Phạm K D và Phạm Nguyên K, ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Cẩm T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Phạm Quang K có nơi cư trú tại khu phố 2, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân

huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Quang K đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Quang K theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Quang K tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K được xem là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh K không hạnh phúc do anh chị có sự khác biệt về quan điểm sống, anh K thường xuyên tham gia cờ bạc và sử dụng ma túy, anh K không làm việc để chăm lo cho gia đình dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng nên từ tháng 02/2023 đến nay, chị T và anh K sống ly thân, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể hàn gắn đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh K không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh và chị T, cũng như anh K không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung là Phạm K D, sinh ngày: 23/10/2017 và Phạm Nguyên K, sinh ngày: 13/6/2019. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn.

Xét thấy, hiện cháu D và cháu K đều dưới 07 tuổi và các cháu đang sống với chị T từ khi chị T và anh K sống ly thân cho đến nay; bên cạnh đó, chị T cũng đảm bảo điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Anh K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến của anh về việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của con cả về thể chất lẫn tinh thần nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Phạm K D và Phạm Nguyên K cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày chị và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh K về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với anh Phạm Quang K.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Quang K có hai con chung tên Phạm K D, sinh ngày: 23/10/2017 và Phạm Nguyên K, sinh ngày: 13/6/2019.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm K D và Phạm Nguyên K.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu anh Phạm Quang K cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Phạm Quang K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Cẩm T, anh Phạm Quang K có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Quang K không có tài sản chung nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Phạm Quang K không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004641 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Nguyễn Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hồng Dân

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn MC;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.